

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG DƯỚI TRIỀU NGUYỄN GIAI ĐOẠN 1802 – 1867

LÊ THÀNH TRUNG¹, ĐẶNG THỊ MINH PHUƠNG²

¹*Học viên Cao học Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

²*Khoa Luật và Khoa học chính trị, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh*

Tác giả liên hệ: dangthiminhphuong@iuh.edu.vn

DOIs: <https://www.doi.org/10.46242/jstiuh.v74i2.5252>

Tóm tắt. Hoạt động thương nghiệp của tỉnh An Giang trong giai đoạn 1802 - 1867 phát triển dựa trên những cơ sở nền tảng quan trọng về địa lý, kinh tế và chính trị. Với vị trí chiến lược nằm trên lưu vực sông Mekong và tiếp giáp biên giới Campuchia, An Giang được thiên nhiên ưu đãi hệ thống sông ngòi phong phú và nguồn tài nguyên dồi dào, đặc biệt là đất phù sa màu mỡ và nguồn thủy sản đa dạng. Đồng thời, chính sách khai hoang và phát triển vùng biên giới của triều Nguyễn đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và mở rộng các hoạt động thương mại. Trong giai đoạn này, các hoạt động giao thương tại An Giang diễn ra sôi động với trọng tâm là trao đổi lúa gạo, thủy sản và lâm sản - những sản phẩm chủ lực của vùng. Các chợ truyền thống và chợ nổi dọc theo sông Hậu và kênh Vĩnh Tế đóng vai trò trung tâm mua bán hàng hóa, không chỉ đáp ứng nhu cầu địa phương mà còn kết nối giao thương với Campuchia và các tỉnh khác ở Nam Bộ. Đặc biệt, sự tham gia của các thương nhân người Hoa đã thúc đẩy sự giao lưu hàng hóa giữa An Giang và các thị trường quốc tế. Bài viết này phân tích ba nội dung chính: (1). Các cơ sở nền tảng cho thương nghiệp An Giang, bao gồm điều kiện tự nhiên và chính sách quản lý biên giới của triều đình; (2). Hoạt động thương mại chính với các loại hình trao đổi như giao thương lúa gạo, thủy sản, các chợ nổi và chợ truyền thống, cùng vai trò của thương nhân người Hoa trong kết nối thương mại nội địa và quốc tế; (3). Vai trò của hoạt động thương nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và góp phần vào sự phồn thịnh của vùng Nam Bộ, từ đó khẳng định vị thế chiến lược của An Giang trong hệ thống thương mại khu vực.

Từ khóa. Thương nghiệp An Giang, hoạt động thương nghiệp, An Giang, triều Nguyễn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nam Bộ là vùng đất có vị trí địa lý thuận lợi, đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của cả nước. Ngay từ sớm, vùng đất Nam Bộ đã có ngành kinh tế thương mại phát triển thông qua việc hình thành các trung tâm thương mại như Cù Lao Phố, Sài Gòn - Chợ Lớn, Mỹ Tho đại phố, thương cảng Hà Tiên,... Hiện nay, để xây dựng nền kinh tế Nam Bộ phát triển bền vững, thì không những cần có các công trình nghiên cứu tổng quát mang tính cả vùng mà việc nghiên cứu cụ thể từng vùng, từng địa phương cũng đóng vai trò quan trọng.

Trong thời gian từ năm 1802 đến năm 1867 - giai đoạn triều Nguyễn mở rộng lãnh thổ, tỉnh An Giang, là một trong những vùng đất giàu tiềm năng kinh tế. Với vị trí địa lý đặc biệt, giáp biên giới Campuchia và sở hữu mạng lưới sông ngòi chằng chịt, An Giang không chỉ giữ vai trò quan trọng về an ninh biên giới mà còn là trung tâm giao thương sôi động, kết nối các khu vực trong nước và với các nước láng giềng Đông Nam Á. Trong giai đoạn này, thương nghiệp An Giang phát triển trên nền tảng nền kinh tế nông nghiệp trù phú, chủ yếu dựa vào lúa gạo, thủy sản, và các sản phẩm từ lâm nghiệp. Đây là những mặt hàng không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn được trao đổi, buôn bán với Campuchia và các nước khu vực qua các tuyến đường thủy lớn như sông Tiền, sông Hậu và kênh Vĩnh Tế - công trình đào thủ công nổi bật dưới triều vua Gia Long và Minh Mạng. Ngoài ra, sự tham gia của các thương nhân người Hoa tại An Giang đã đóng vai trò trung gian quan trọng, thúc đẩy mối liên kết kinh tế giữa Nam Bộ và các thị trường quốc tế. Hoạt động thương nghiệp của An Giang trong giai đoạn này chịu sự quản lý chặt chẽ của triều Nguyễn, thông qua các chính sách phát triển kinh tế, quản lý thương mại, và bảo vệ an ninh biên giới. Tuy nhiên, sự can thiệp và khai thác của thực dân Pháp sau năm 1867 đã làm thay đổi đáng kể bản chất kinh tế thương nghiệp tại vùng đất này, chuyển từ sự tự do trao đổi sang phục vụ mục đích thực dân hóa.

Bằng việc xem xét các khía cạnh kinh tế, địa lý và chính trị, có thể khẳng định rằng An Giang trong giai đoạn 1802 - 1867 đã thể hiện vai trò quan trọng không chỉ trong việc thúc đẩy nền kinh tế Nam Bộ mà còn trong chiến lược bảo vệ biên giới và phát triển đất nước của triều Nguyễn. Sự phát triển thương nghiệp tại

đây không chỉ là minh chứng cho tiềm năng kinh tế của một vùng đất mà còn là dấu ấn của quá trình giao lưu kinh tế và văn hóa trong khu vực.

Trong giai đoạn 1802 - 1867, nghiên cứu về hoạt động kinh tế của An Giang đã sớm trở thành đối tượng thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu ở nhiều mức độ khác nhau. Cụ thể, luận văn thạc sĩ của Nguyễn Ngọc Thủy “*Vùng đất An Giang thời kỳ 1757 - 1867*” và luận văn thạc sĩ của Phan Văn Kế về “*Diện mạo kinh tế An Giang trong thế kỷ XVII - XX*”, đã khái quát sơ lược về kinh tế của Tỉnh. Tác giả Cao Tự Thanh với tác phẩm “*Lịch sử khai phá và bảo vệ chủ quyền vùng đất Châu Đốc thời Nguyễn*” năm 2009, tác giả đã cung cấp một tình hình buôn bán ở Châu Đốc với các vùng Nam Kỳ và Chân Lạp, tác giả đi từ chính sách đến các hoạt động buôn bán. Mặt khác, Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang với công trình “*Địa chí tỉnh An Giang*”, ở phần kinh tế cũng đã khái quát về nền kinh tế của tỉnh An Giang dưới triều Nguyễn...

Như vậy, có thể thấy những tư liệu và công trình trên đã đề cập đến bức tranh tổng quan về kinh tế tỉnh An Giang dưới triều Nguyễn, nhưng chưa có công trình nào đi sâu vào nghiên cứu về hoạt động thương nghiệp tỉnh An Giang dưới triều Nguyễn trong giai đoạn 1802 - 1867 (từ khi vua Gia Long lên ngôi năm 1802 đến khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh An Giang năm 1867). Kế thừa kết quả nghiên cứu từ những công trình trước đó, bài nghiên cứu: “Hoạt động thương nghiệp tỉnh An Giang dưới triều Nguyễn (1802 - 1867), cung cấp một bức tranh phác thảo về hoạt động thương nghiệp tại tỉnh An Giang trong giai đoạn 1802 - 1867, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa yếu tố tự nhiên, chính sách của nhà nước và sự phát triển của các hoạt động thương nghiệp. Nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung vào nguồn tài liệu về kinh tế thương nghiệp của Nam Bộ, mà còn đề xuất hướng tiếp cận mới trong việc phân tích các yếu tố thúc đẩy thương mại ở khu vực biên giới dưới thời Nguyễn giai đoạn 1802 - 1867.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Những điều kiện cơ bản thúc đẩy hoạt động thương nghiệp của tỉnh An Giang

2.1.1. Điều kiện hàng hóa

An Giang, với địa hình đa dạng bao gồm cả vùng đồng bằng và khu vực đồi núi thuộc dãy Thất Sơn, là nơi hội tụ nhiều loại thổ sản quý hiếm. Những sản vật này không chỉ đáp ứng nhu cầu nội địa mà còn là mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao, góp phần tạo nên sự sôi động trong hoạt động thương mại của vùng. Theo sách *Gia Định thành thông chí* ghi chép, các mặt hàng thổ sản ở An Giang rất phong phú như “trầm hương, tóc hương, sa nhân, giáng hương, gỗ sao, gỗ huệ,... tại núi Ngật Sum, núi Đài Tôn, núi Chân Sum, núi Ba Xui... (Đức, 1999, tr.51). Trầm hương ở An Giang được tìm thấy nhiều ở các khu vực đồi núi, đặc biệt là vùng Thất Sơn. Đây là loại hương liệu được ưa chuộng không chỉ trong nước mà còn ở các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ và vùng Trung Đông. Sa nhân là một loại cây thân thảo thuộc họ Gừng, mọc tự nhiên dưới tán rừng rậm ở khu vực đồi núi của An Giang. Quả sa nhân là nguyên liệu quý trong y học cổ truyền, được sử dụng để chữa các bệnh về tiêu hóa, giảm đau và tăng cường sức khỏe. Nguyễn Đình Đầu trong cuốn *Địa bạ triều Nguyễn: Đồng bằng Nam Bộ* (1994), sa nhân là mặt hàng có giá trị kinh tế cao, được thu hái và bán cho các thương lái người Hoa. Sản phẩm này thường được xuất khẩu qua các cảng lớn như Hà Tiên hoặc Sài Gòn để cung cấp cho các thị trường quốc tế. Việc khai thác sa nhân không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn giúp duy trì quan hệ thương mại xuyên biên giới. Giáng hương là loại cây gỗ quý, có giá trị cao trong ngành xây dựng và chế tác đồ thủ công mỹ nghệ. Loại cây này mọc chủ yếu ở khu vực bán sơn địa của An Giang, nơi có thổ nhưỡng và điều kiện khí hậu phù hợp. Gỗ giáng hương được biết đến với độ bền, hương thơm tự nhiên và vân gỗ đẹp, thường được sử dụng để làm đồ nội thất cao cấp hoặc các vật phẩm trang trí. Giáng hương là một trong những sản phẩm lâm nghiệp quan trọng được triều đình nhà Nguyễn quan tâm khai thác để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Việc khai thác giáng hương thường do các nhóm khai thác gỗ chuyên nghiệp thực hiện và sau đó được vận chuyển qua hệ thống sông ngòi đến các trung tâm thương mại lớn. Gỗ huệ, một loại cây bản địa của vùng Nam Bộ, cũng là mặt hàng lâm sản quan trọng tại An Giang. Loại gỗ này được biết đến với hương thơm tự nhiên và đặc tính chống mối mọt, thường được sử dụng để làm đồ gia dụng, đồ thờ cúng và nhạc cụ.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* mô tả các loại nông sản và hàng hóa ở vùng đất này như: Lúa (có lúa tẻ, lúa nếp, ngô); cây gỗ (có mù u, giáng hương, cây sao, cây đồng, cây dừa); vị thuốc (hoắc hương, hương phụ, tử tô, bạch thược, đậu khấu, sa nhân, thược dược); hàng hóa (vải, lụa trầu, sáp ong, da nai, gân hươu, nhung hươu, ngà voi, gạc hươu, bóng cá, da tê, sừng tê, hạt sen, tôm khô); cá (cá rô, cá lạch canh, cá đuối, cá phen, cá lười bò, ốc) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007e, tr.130 - 131),... và nhiều loại khác.

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG...

Trong các loại hàng hóa, thóc lúa ở An Giang đã sớm nổi tiếng khắp nơi: “Một hột thóc giống, thì thu được 300 hộc thóc, ruộng rất tốt màu” (Đức, 1999, tr.155). Thóc lúa An Giang chia thành hai loại lúa tẻ và lúa nếp. Cụ thể “Tẻ là thứ lúa không dính, hạt nhỏ, chất mềm rất thơm, hạt thóc có râu. Nếp là thứ lúa có nhựa dính, hạt tròn mà to, có thứ gọi là lúa tào, thóc sá, móng tay, móng chim, mo cái, cà dong, cà nhe, sê nhất, chàng cô, các tên gọi tuy khác nhau, có thứ sớm, có thứ muộn, thứ dẻo, thứ khô không giống nhau, nhưng về thơm ngon thì lúa tào là nhất, mà lúa cà nhe thứ nhì”, nếp thì có nếp hương bầu, nếp quạ và nếp than (Đức, 1999, tr.153-154).

Về các sản phẩm thủ công, An Giang đã sớm trở thành nơi có đa dạng các sản phẩm thủ công như các sản phẩm mộc, vải vóc, sản phẩm đan lát,... Đối với sản phẩm mộc, An Giang là vùng đất có nhiều loài gỗ quý, vì thế từ sớm đã trở nên nổi tiếng với các sản phẩm nghề mộc như tủ, bàn, ghế,... Bên cạnh đó, An Giang còn biết đến với mặt hàng vải nổi tiếng ở vùng đất Tân Châu. Theo nhà nghiên cứu Huỳnh Lứa “Vùng Tân Châu (An Giang) là nơi dệt loại lãnh đen rất nổi tiếng” (Lứa, 2000, tr.142).

Các mặt hàng thổ sản, nông sản và sản phẩm thủ công của An Giang không chỉ phản ánh sự phong phú của tài nguyên thiên nhiên mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giao thương. Những sản vật này được thu mua và vận chuyển qua hệ thống sông ngòi rộng lớn, đến các thị trường nội địa và quốc tế. Hơn nữa, sự phát triển của các ngành nghề khai thác và chế biến liên quan đến thổ sản đã tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, đồng thời góp phần định hình bản sắc kinh tế của An Giang trong thời kỳ đầu của nhà Nguyễn. Nguồn tài nguyên này không chỉ là tài sản quý báu cho địa phương mà còn đặt nền móng cho mối quan hệ thương mại rộng lớn trong khu vực Đông Nam Á.

2.1.2. Nguồn thủy sản phong phú

Vùng đất An Giang có nhiều hệ thống sông ngòi như: Sông Tiền Giang, sông Tân Giang, sông Tân Châu, sông Lễ Công, sông Tú Điền, sông Cần Thơ, sông Ba Xuyên, sông Sa Đéc, sông Nha Mân, sông Vĩnh Tế, sông Đầm Giang... Về rạch, có rạch Triều Thủy, rạch Vu Lai, rạch trên Châu Đốc, rạch dưới Châu Đốc,... Trong đó, có thể kể đến một số con sông lớn như sông Hôi An thượng lưu rộng 1 dặm rưỡi, sâu 19 trượng; sông Tân Đông rộng 10 trượng, sâu 9 thước; sông Sa Đéc rộng 21 trượng, sâu 28 trượng; sông Nha Mân rộng 15 trượng và sâu 13 thước, sông An Thuận (kênh Hạ Thuyền), rộng 10 trượng và sâu 15 thước (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007e, tập 5, tr.201 - 212).

An Giang có nhiều sông, rạch vì thế dẫn đến nguồn lợi từ sông ngòi khá lớn, tác giả Trịnh Hoài Đức đã miêu tả về nguồn lợi từ sông Tiền như sau: “Nước ngọt rưới nhuận bờ ruộng gieo mạ, được thóc kể thì không thể có gấp trăm lần, vườn thì sẵn giàu cau, dừa quả dàu gai; ngòi lạch thì đầy rẫy cá tôm cua lươn, nhà tự đi bắt lấy để ăn, chẳng phải đi mua ở chợ, vườn trước ruộng sau, đều có nghề sẵn, dân khen là nơi giàu có và đông người” (Đức, 1999, tr.52). Ở sông Hậu Giang “nguồn lợi sông nước, thóc gạo cá mủ không thể kể xiết” (Đức, 1999, tr.52).

Có thể thấy, hệ thống sông, rạch đã góp phần tạo nên những ruộng đất phì nhiêu, là điều kiện cho dân cư đến khẩn hoang, lập làng; số lượng sông ngòi không chỉ giúp cho giao thông thuận lợi mà còn cung cấp nguồn lợi thủy sản to lớn, góp phần tạo điều kiện thúc đẩy giao thương từ miền ngược đến miền xuôi.

2.1.3. Về chính sách của triều Nguyễn

An Giang khi thuộc trấn Vĩnh Thanh, dân cư còn thưa thớt, triều Nguyễn đã có những chính sách thúc đẩy dân cư đến khẩn hoang, lập làng cũng như đào kênh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thông và giao lưu buôn bán giữa các vùng. Các chính sách của triều Nguyễn trong giai đoạn này bao gồm khuyến khích dân buôn bán, mở chợ và chủ trương đào kênh thúc đẩy giao thông, buôn bán.

Khuyến khích dân buôn bán và mở chợ. Dưới thời vua Gia Long năm 1818, sau khi thấy vùng đất An Giang dân cư thưa thớt, vua đã sai trấn thần Vĩnh Thanh chiêu hợp “người Đường (Trung Quốc), người Chân Lạp, người Chà Và đến ở, lập phố chợ và khai khẩn chỗ hoang, cấm dân ta không được quấy rối” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tr.978). Đến năm 1821, dưới triều vua Minh Mạng, đánh giá được tầm quan trọng của vùng đất Châu Đốc, vua Minh Mạng đã dụ cho Nguyễn Văn Thụy đang đóng giữ bảo Châu Đốc phải chiêu tập dân đến buôn bán như sau: “Châu Đốc là đất xung yếu, người nên khéo phủ dụ, mộ dân buôn lập thành làng mạc để hộ khẩu ngày một tăng, đồng ruộng ngày mở mang (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, tr.123). Có thể thấy, vua Minh Mạng đã đánh giá vai trò của thương nhân trong việc khẩn hoang, mở đất của vùng đất này; cụ thể, trong lần trả lời với quan thành Gia Định, vua Minh Mạng đã khẳng định về việc sử dụng thương nhân và hỗ trợ họ trong việc khai hoang ở vùng đất Châu Đốc: “Đồn ấy là chỗ địa đầu quan yếu, đã từng sai chiêu tập dân chúng và nhà buôn, cho vay tiền thóc, để họ khẩn ruộng, lập ấp, hợp nhau cư trú, làm ăn sinh sống nơi biên thủy của ta cho được bền vững (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007c, tr.246). Mặt khác,

năm 1833, vua Minh Mạng còn ban dụ cho các tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên trong việc khuyến khích việc tái lập chợ, tạo điều kiện cho dân chúng buôn bán, từ đó dân chúng mới có cuộc sống ổn định: “phải chiêu tập dân chúng và vỗ về họ; nếu chợ búa người mua kẻ bán sợ mà phân tán, thời nơi chiêu an và triệu tập họ lại. Tại các làng mạc nhân dân bỏ trốn đi xa, thì nên cho kiếm họ về định cư trở lại khiến làm sao cho nơi chợ búa được đông người bày hàng buôn bán, người người đều có nhà cửa vách tường, đồ đạc để dùng...hy vọng dân chúng được mau phục hồi và được đầy đủ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2010, tr.712).

Chủ trương đào kênh thúc đẩy giao thông và buôn bán. Ngay từ sớm, các vua triều Nguyễn đã nhận thức rõ vai trò của đường thủy đối với việc giao thông và buôn bán. Mặt khác, việc đào kênh còn giúp mở rộng diện tích khai hoang và cải thiện tình hình dân cư. Theo *Đại Nam thực lục* có ghi, sau vua Gia Long xem bản đồ Châu Đốc, thấy vùng đất này cần phải mở đường thủy sẽ có lợi cho làm nông nghiệp và buôn bán: “Đất này nay mở đường sông để đi thẳng tới Hà Tiên, làm ruộng đi buôn đều được lợi cả. Sau này dân ở đông đúc, đất mở rộng rãi, có thể thành một trấn to lớn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tr.940). Xuất phát từ lợi ích đó, năm 1817, vua Gia Long thấy vùng đất An Giang gần Chân Lạp, mênh mông lầy rậm, đường sông đi qua Kiên Giang bị bùn cò ứ tắc, thuyền bè không đi qua được; Vua sai Trấn thủ Nguyễn Văn Thụy sửa sang đường sông và điều động dân Việt, Khmer 1.500 người, cấp tiền gạo phục vụ cho việc vét sông, đặt tên Thụy Hà (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tr.958).

Năm 1819, vua Gia Long sai trấn Vĩnh Thanh là Thụy Ngọc Hầu (Nguyễn Văn Thụy) đốc sức dân phu, lấy trấn Vĩnh Thanh mỗi phiên 5000 người, quân lưu trú ở đồn Uy Viễn 500 người và Chiêu Chùy Tôn La Ha Toàn Phủ người Cao Miên đem quân dân mỗi phiên 5000 thực hiện đào kênh. Sau đó, đến năm 1820, thì tạm ngưng và mãi đến tháng 10 năm 1822, vua Minh Mạng ban hành sắc dụ đôn đốc, ra lệnh cho Lê Văn Duyệt tiếp tục đào kênh: “Đường sông Vĩnh Tế liền với một lộ tân cương, xe thuyền được lợi rất nhiều. Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta mưu sâu tính kỹ, để ý đến việc biên cương, buổi đầu đã một lần đào, công việc chưa xong. Trẫm noi theo chí trước, dốc lo làm sao một lần khó nhọc để thông thả lâu dài, khanh nên tính toán thế nào, hẹn ngày tâu công, để xứng ý trẫm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, tr.239) và đến năm 1824 thì hoàn tất.

Có thể thấy, nửa đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn đã có những chủ trương đối với thương nghiệp thông qua các chỉ dụ, nhằm chiêu mộ dân khai hoang và định cư. Các vua triều Nguyễn đã sử dụng việc lập chợ và thương nhân như một phương thức phục vụ cho quá trình khẩn hoang và lập làng.

2.2. Hoạt động thương nghiệp chính của tỉnh An Giang trong giai đoạn 1802 - 1867

2.2.1. Hoạt động giao thương mua bán hàng hóa

Về các mặt hàng buôn bán, hàng hóa ở An Giang bao gồm hàng hóa về nông sản, thủy sản (cá, tôm) và các mặt hàng thủ công. Sách *Gia Định thành thông chí* đã ghi chép về các mặt hàng được buôn bán ở chợ Sa Đéc như sau: “bán hàng tơ đoạn cùng đồ dùng từ nam bắc chở đến, hoặc bán các thứ dầu rái, than, mây, tre, khô, mắm v.v...” (Đức, 1999, tr.200).

Về thóc lúa, An Giang nổi tiếng là nơi có đất đai màu mỡ, sản lượng thóc lúa cao, vì thế thóc lúa trở thành hàng hóa buôn bán trong và ngoài nước. Sách *Đại Nam thực lục* đã ghi chép về việc tỉnh An Giang bán thóc cho tỉnh Biên Hòa vào năm 1833: “An Giang vận chuyển bảy, tám nghìn hộc thóc sang Biên Hòa. Biên Hòa lại giao một vạn năm nghìn quan tiền sang An Giang” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007c, tr.800). Đối với việc buôn bán thóc lúa sang nước ngoài, cũng được sách *Minh Mệnh chính yếu* ghi chép việc buôn bán lúa vào tháng 8 năm 1817 cho nước Chân Lạp với số lượng 10.000 hộc lúa (Quốc sử Quán triều Nguyễn, 1998, tr.133).

Về buôn bán mặt hàng muối, *Gia Định thành thông chí* đã ghi chi tiết về quá trình sản xuất và buôn bán muối đỏ sang Chân Lạp: “Lại trấn Vĩnh Thanh xứ Ba Thắc sản xuất nhiều muối đỏ, vì nước ruộng xứ ấy sắc vàng đỏ, lúc mức lên phơi thì có sẵn bùn, cho nên thế. Đem nấu lại, lọc hết bọt nổi, sát lại trắng tinh, vị mát ngọt hơn muối xứ khác nhiều. Người Trung Quốc làm nghề này lấy lá dừa đan thành bao vuông, mỗi bao đựng được 5,6 cân, theo tục người Mên gọi 40 bao là một xe, đem bán sang Cao Miên, được lợi rất lớn” (Đức, 1999, tr.160).

Mặt hàng thủy sản (tôm, cá): An Giang với đặc trưng có nhiều sông ngòi, vì thế đã tạo nên một mặt hàng thủy sản phong phú, người dân đã thành lập các nhóm người làm nghề đánh bắt rồi đem ra chợ bán, không chỉ có tôm cá tươi mà còn bán các mặt hàng thông qua chế biến như mắm và khô ở Bãi Doanh Châu (còn gọi là cù lao Diên): “Ở đây có nhiều đầm chằm ruộng cá, lũ lượt cứ 15 người làm một đoàn, rẽ bù phát cỏ, bắt cá để làm mắm hay phơi khô, chém nửa làm bẻ, đem bán các nơi” (Đức, 1999, tr.63).

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG...

Về mặt hàng thủ công, ở An Giang trong giai đoạn này, hai mặt hàng buôn bán nổi tiếng là vải và các sản phẩm từ nghề mộc. Đối với mặt hàng vải, thì An Giang “lụa Tân Châu đã nổi tiếng khắp Nam ngoài Bắc” (Kiến, 2007, tr.81); các sản phẩm của nghề mộc, Chợ Thủ và Mỹ Lương là hai nơi có các sản phẩm từ nghề mộc được buôn bán ở khắp vùng và cả nước. Bên cạnh đó, An Giang còn có các sản phẩm đan lát cũng trở thành mặt hàng buôn bán về các sản phẩm đan lát đưa ra chợ bán ở cù lao Dung như sau: “thổ sản là dừa nước, dân thường dùng lá dừa đan thành tấm mà bán làm nghề sinh nhai” (Đức, 1999, tr.65).

Theo quy định của nhà nước, ở Nam Bộ khi buôn bán các loại hàng hóa khác thì thu thuế theo tùy hạng thu thuế, nhưng đối với việc chuyên chở thóc lúa thì được miễn thuế (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007e, tr.363). Việc buôn bán có thể thấy rõ thông qua các khoản thu thuế với các mặt hàng thủy lợi, sản vật và buôn bán sang Cao Miên của tỉnh An Giang như sau:

Bảng 1: Thống kê thuế thủy lợi của tỉnh An Giang

STT	Năm	Số tiền thuế (quan)	Ghi chú
1	1812	6.000 quan	
2	1830	79.657 quan	
3	1832	76.175 quan	
4	1833	44.900 quan	Do cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Nam Kỳ và Xiêm xâm lược Nam Kỳ nên thuế ít
5	1834	66.650 quan	
6	1835	82.915 quan	
7	1836	88.890 quan	
8	1837	89.049 quan	
9	1839	90.210 quan	
10	1840	93.000 quan	Có tiền thuế trâu không hơn 2.700 quan
11	1841	29.563 quan 18 tiền 10 đồng	Do chiến tranh biên giới và có 4 sở chưa thu
12	1842	40.017 quan	Có 15 sở, 7 sở không thu vì vùng đó có giặc đóng tạm ngưng thu
13	1843	43.917 quan	Từ tháng 5-12 không thu thuế. Thu được 9 sở/16 sở
14	1844	44.120 quan	
15	1845	38.490 quan 8 tiền 20 đồng	Có 8 sở
16	1846	36.010 quan	Có 8 sở
17	1847	51.443 quan 2 tiền	Có 10 sở
18	1848	41.673 quan 10 tiền 30 đồng	Có 9 sở
	Tổng cộng	1.043.090 quan 38 tiền 30 đồng	

Nguồn: (Tân, 2009, tr.119 - 120).

Năm 1936, triều Nguyễn định lệ thu mua sản vật hàng năm ở các tỉnh từ Quảng Nam trở vào, trong đó, tỉnh An Giang quy định như sau: “Da hươu, da nai, gân hươu, đậu khấu, hột sa nhân, bong bóng cá, vây cá, ngà voi, sừng hươu, da tê, sừng tê, nhung hươu, hạt sen 10000 cân, tôm khô đã bóc vỏ 3000 cân, cá thiết linh khô 5000 cân, các hạng ván gỗ tầu, gỗ tử thuận” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007d, tr.1037) và tiến hành thu thuế của các thuyền buôn, điều này được ghi chép cụ thể trong sách *Đại Nam thực lục* (tháng 6 năm 1854): “hàng năm chiêu thu thuế sản vật ở An Giang, Hà Tiên (tôm gạo khô, cá lẹ khô, hồ tiêu, tổ yến) để tải giao cho chứa vào kho ở cửa biển Đà Nẵng” sau đó giao cho thuyền buôn nước Thanh và định giá cho từng loại hàng hóa “tôm gạo khô, mỗi 100 cân giá tiền 45 quan, cá lẹ khô mỗi 100 cân giá tiền 12 quan, hồ

tiêu mỗi 100 cân giá 12 quan, tổ yến, hạng nhất mỗi cân 80 quan, hạng nhì 60 quan, hạng ba 40 quan) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007g, tr.316).

Trong quan hệ buôn bán với láng giềng, An Giang với địa thế tiếp giáp Chân Lạp và giao thông đường thủy thuận tiện, Châu Đốc dần trở thành cửa khẩu quan trọng trên trục buôn bán Gia Định và Chân Lạp. Năm 1844, triều Nguyễn đặt trường sở giao dịch (còn gọi là Chợ biên giới) ở thượng du đồn Đa Phước (gần thành Châu Đốc), mỗi tháng 6 kỳ họp chợ, mỗi kỳ 2 ngày. Trường giao dịch đã thu hút “người Kinh, người Thổ, người Thanh, người Chăm (nguyên người Thuận Thành tục gọi là người Chăm)” đến trao đổi buôn bán, trong đó người thổ đến buôn bán ngày càng đông (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007f, tr.592).

Hoạt động buôn bán giữa An Giang và Chân Lạp được thể hiện qua tình hình thu thuế khi các thuyền buôn qua lại cửa khẩu Châu Đốc, cụ thể:

Bảng 2: Thống kê tình hình thu thuế các cửa quan ở Châu Đốc từ năm 1837 – 1840

TT	Tên sở quan thuế	1837	1838	1839	1840	Cộng
1	Châu Giang	4899	8934	9236	9067	32136
2	Đông Xuyên	734	1277	2338	1755	6104
3	An Lạc	1012	1240	1404	949	4605
4	Tân Châu	3742	4950	5506	4241	18439
Cộng		10.387	16.401	18.484	16.012	1.284

Nguồn: (Tân, 2009, tr.130).

2.2.2. Về các chợ

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, An Giang lúc bấy giờ có 12 chợ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006e, tr.223 – 224):

- Huyện Phong Phú: chợ Thái An Đông (gần sông Ô Môn), chợ Tân An (sông Bình Thủy), chợ Cần Thơ (gần sông Cần Thơ).
- Huyện Vĩnh An: Chợ Vĩnh Phúc (hay còn gọi là chợ Sa Đéc), Chợ Tân Phú Đông, chợ Tân Thuận, chợ Mỹ An, chợ Long Hậu.
- Huyện Đông Xuyên: Chợ Tú Điền (còn gọi là chợ Thủ) và Chợ Bình Thành Đông.
- Huyện An Xuyên: Chợ Nha Mân (Châu Thành – Đồng Tháp).
- Huyện Phong Nhiêu: Chợ Hòa Mỹ (còn gọi là chợ Bãi Xào, Cảng Bãi Xào, Ba Xuyên).

Một số chợ tiêu biểu:

Chợ Vĩnh Phúc (Sa Đéc), nằm ở phía đông huyện Vĩnh An với các mặt hàng đa dạng được buôn bán tại chợ: “phố chợ ở ven sông, nhà phố nối liền đối nhau, san sát như vẩy cá, dằng dài 5 dặm. Bè tre ở dưới sông cũng dựng nhà buồng san sát thành hàng. Chợ thì bán lựa đoạn, đồ dùng nam bắc chỗ thì bán các thứ như đậu rái, than gỗ mây tre, muối mắm, trên bờ dưới sông, hàng hoá choáng mắt say lòng, thực là đất phồn hoa” (Đức, 1999, tr.200). *Đại Nam nhất thống chí* mô tả về cảnh quan thuyền bè tấp nập tại các dãy phố của chợ ghi rằng: “phố chợ liên tiếp ở phía Bắc, thuyền bè tụ tập” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006e, tr.203).

Chợ Đông Xuyên (sau này gọi là chợ Long Xuyên) chợ nằm bên bờ tây sông Hậu. Vào năm 1818, Nguyễn Văn Thoại cho đào kênh nối sông Đông Xuyên với Rạch Giá. Chợ Đông Xuyên sớm trở thành đầu mối giao lưu hàng hóa quan trọng của tỉnh (Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang, 2013, tr.559).

Chợ Hòa Mỹ hay còn có tên chợ Bãi Xào (Bãi Xào) theo *Đại Nam nhất thống chí*, chợ nằm ở huyện Phong Nhiêu và ở phía đông lị sở phủ Ba Xuyên (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006e, tr.224). Vào đầu thế kỷ XVIII, thương cảng Bãi Xào được thành lập (Mỹ Xuyên ngày nay), theo nhật ký của cố đạo Levassasseur vào năm 1768, thương cảng có tên là Bassac. Chợ này buôn bán gạo, nhiều loại trái cây, rau, gà, vịt,... dân cư ở chợ chủ yếu là người Hoa. Thuyền buôn của người Hoa đậu sát nhau từ 100 đến 150 chiếc để mua gạo và mua đường (Lửa, 1987, tr.89 - 90). Đến đầu thế kỷ XIX, Bãi Xào lúc này được coi như một cái chợ: “Chợ Bãi Xào (Mỹ Xuyên), ở đây có phố xá liền nhau, người Việt và người Thổ ở xen nhau, họ chuyên phơi muối đỏ (dân địa phương gọi là muối đen) đem bán để kiếm sống” (Đức, 1999, tr.61). Theo Sơn Nam, chợ Bãi Xào là cảng giao dịch với nước ngoài và nổi tiếng với gạo Ba Thắc (Nam, 1988, tr.5).

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG...

Chợ Tú Điền¹ (hay còn gọi là Chợ Thủ) ở huyện Đông Xuyên, chợ họp gần bờ sông. Chợ Tú Điền là nơi nổi tiếng về ươm tơ dệt lụa, nhất là nghề mộc; là nơi có dân cư đông đúc và nhà cửa khang trang. Bên cạnh đó, một số chợ khác như chợ Long Hậu và chợ Bình Thành Đông cũng được mô tả là nơi có “hàng quán trù mật” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006e, tr.223).

Trong giai đoạn này, giao thông đường thủy chiếm vị trí quan trọng bởi sông ngòi chằng chịt và ghe thuyền là phương tiện di chuyển tiện lợi. Chính vì lẽ đó, phần lớn các chợ được hình thành gần sông hoặc ngay trên sông để thuận tiện trao đổi buôn bán. Tuy nhiên, ở An Giang cũng đã hình thành một số chợ vùng núi như ở núi Ngất Sum huyện Hà Dương cách bờ sông Vĩnh Tế 13 dặm, *Đại Nam nhất thống chí* đã miêu tả cảnh người dân tụ họp sinh sống và trao đổi buôn bán như sau: “Nhân dân ở chân núi lập thành thôn xóm, là nơi chợ núi tấp nập” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006e, tr.198). Tại núi Chân Sum “người Kinh, người Trung Quốc cùng người Cao Mên nhà ở liền nhau, dựng thành làng chợ để kinh doanh những lợi rừng núi sông chằm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006e, tr.199).

2.3. Vai trò của hoạt động thương nghiệp tỉnh An Giang

Có thể thấy, hoạt động thương nghiệp của An Giang trong giai đoạn này đã có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nền kinh tế An Giang và vùng đất Nam Bộ:

Thứ nhất, đối với tỉnh An Giang:

Một là, hoạt động thương nghiệp góp phần thu hút cư dân đến sinh sống tại An Giang

Với chính sách chiêu dụ dân buôn bán, lập chợ vùng đất An Giang đã thu hút nhiều dân cư đến làm ăn, sinh sống. Đầu triều Nguyễn, vùng đất An Giang có dân cư thưa thớt, chỉ cần vài dân đinh thì đã có thể thành lập một xã và phải đảm bảo với triều đình về nghĩa vụ thuế đinh, thuế điền (không bao gồm phụ nữ và trẻ con). Đến năm 1830, Minh Mạng thứ 11, theo báo cáo của Tổng trấn thành Gia Định: “Bảo Châu Đốc mới thành lập 41 làng, dân binh chỉ hơn 800 người” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007c, tr.88). Và đến năm 1832, Minh Mạng thứ 13, số đinh ở An Giang là 25.645 người (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006e, tr.94). Theo Quốc Triều chính biên toát yếu, năm 1847, tỉnh An Giang có 22.998 người, trong đó cả nước có 1.024.388 người (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007f, tr.1003 - 1005). Đến năm 1881, theo thống kê sơ bộ do y sĩ người Pháp Vantalon ghi lại: dân số Long Xuyên là 88.631 người, Châu Đốc là 105.182 dân, phần lớn tập trung ở phía sông Tiền vùng Tân Châu, Chợ Mới (Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang, 2013, tr.227). Có thể thấy, thương nghiệp đã góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho dân cư đến lập nghiệp và phân bố rộng ở nhiều nơi, nhất là ở khu vực Chợ Mới, Tân Châu, Long Xuyên và Châu Đốc.

Hai là, hoạt động thương nghiệp đã góp phần thúc đẩy An Giang từ vùng đất hoang sơ trở thành nơi có nền kinh tế phát triển nhất định

Hoạt động giao thương buôn bán đã giúp An Giang hình thành một mạng lưới buôn bán từ miền ngược đến miền xuôi, từ trong tỉnh đến ngoài tỉnh và từ trong biên giới sang ngoài biên giới. An Giang là nơi buôn bán của nhiều thương nhân như người Việt, người Hoa, người Khmer...

Cụ thể, người Việt tham gia vào quá trình buôn bán nhưng nhỏ, lẻ, chưa có hệ thống tổ chức, chủ yếu vừa sản xuất vừa đảm nhận vai trò buôn bán và trao đổi các sản phẩm thời vụ của địa phương. Đối với người Hoa, thông qua các tư liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn, người Hoa hiện diện với vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thương nghiệp phát triển; họ hiện diện khắp nơi từ các chợ, cảng thị ở miền xuôi hay các chợ ở chân núi và nằm giữa vai trò trao đổi buôn bán sang biên giới. Đối với người Khmer, họ tham gia trao đổi buôn bán tại các chợ địa phương, cụ thể như ở vùng núi Thất Sơn là nơi tụ tập chợ búa miền sơn cước, họ nương theo chân núi thành làng, thành phố đủ làm thành một chợ núi đông vui.

Bên cạnh đó, thương nghiệp An Giang cũng tạo ra điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy quá trình khẩn hoang, giúp tăng lượng hàng hóa nông sản địa phương, đặc biệt là mặt hàng lúa gạo. Theo Nguyễn Đình Đầu, năm 1836, toàn tỉnh An Giang (tính hai phủ Tân Thành, Tuy Biên) đo đạc được 97,407.8.3.1 mẫu. Trong đó, An Giang có hai loại ruộng: sơn điền là 69830.5.0.0 mẫu, Thảo điền là 2602.9.0.0 mẫu; bên cạnh đó, theo địa bạ Triều Nguyễn của Nguyễn Đình Đầu, An Giang còn trồng một số cây như cau (807.8.7.0 mẫu), trồng khoai đậu với 6.280,9 mẫu, và dừa lá với 982,8 mẫu,... (Đầu, 1995, tr.167 - 168). Đồng thời, bấy giờ An Giang cũng có sự phân chia trồng trọt theo mùa vụ: lúa gieo mạ tháng 6, cấy tháng 8 và thu

¹ Theo Nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Hiệp “Tên gọi *Tú Điền* chỉ thấy viết trên công văn hoặc những người hay chữ (nho) và phần lớn là dường như chỉ để quan làng nói với nhau, còn nhân dân thì thực tế hơn, thay vì gọi đủ là “*Thủ sở đạo Chiến Sai*” thì dài quá, không tiện, nên gọi tắt là “*Chợ Thủ*” cho gọn (chỉ lấy tiếng đầu nhưng vẫn đủ nghĩa)”. Trích bài Nguyễn Hữu Hiệp, *Chợ Thủ cảnh cũ người xưa*, Báo Thất Sơn, năm 1992.

hoạch vào tháng giêng. Mía tháng giêng cấy ngon, thu hoạch tháng 4. Đối với các loại cây trồng khác như khoai, đậu, ngô và khoai lang đều trồng vào tháng 4 và thu hoạch lần lượt: đậu tháng 6, ngô tháng 7, khoai lang tháng 8 và khoai tháng 10 (Đức, 1999, tr.157 - 158).

Đối với nghề thủ công, các sản phẩm thủ công dưới triều Nguyễn bắt đầu đã chuyển dần từ phục vụ nhu cầu sinh hoạt đến nhu cầu trao đổi buôn bán. Các nghề hình thành dựa vào điều kiện tự nhiên của từng nơi, mà các dân cư đã hình thành nên những khu vực và sản phẩm nổi tiếng, tiêu biểu như Chợ Thủ - nổi tiếng với nghề mộc, Tân Châu với xứ tầm tang,... góp phần tạo ra nguồn sản phẩm phong phú và thúc đẩy hoạt động buôn bán.

Có thể thấy, nhu cầu trao đổi hàng hóa đã góp phần tạo cho vùng đất An Giang có điều kiện phát triển không chỉ những chuyển biến trong thương nghiệp mà còn có những tác động đến các nền kinh tế khác bao gồm cả nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Thứ hai, đối với vùng đất Nam Bộ:

Một là, kinh tế thương nghiệp tỉnh An Giang đã đóng góp cho nguồn ngân sách nhà nước thông qua việc thu thuế

Ngay từ năm 1809, vua Gia Long đã đặt ra định thuế đối với thuyền buôn Nam Kỳ buôn bán sang Nam Vang, và sau đó 1836, vua Minh Mạng đã có những quy định cụ thể hơn trong việc định thuế dựa theo kích thước của từng loại thuyền. Ngoài ra, việc đóng góp vào ngân sách nhà nước của tỉnh An Giang còn thấy rõ hơn qua việc nộp thuế sản vật địa phương cho nhà nước hàng năm, các sản vật này được định giá và bán sang nước ngoài. Cụ thể, một số mặt hàng của An Giang được triều đình bán sang Trung Quốc định giá như sau: “tôm gạo khô, mỗi 100 cân giá tiền 45 quan, cá lệ khô mỗi 100 cân giá tiền 12 quan, hồ tiêu mỗi 100 cân giá 12 quan, tổ yến, hạng nhất mỗi cân 80 quan, hạng nhì 60 quan, hạng ba 40 quan” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007g, tr.316).

Đối với ngoại thương, An Giang bấy giờ đã trở thành cửa khẩu giao thương quan trọng của Nam Bộ với Chân Lạp. Nhà Nguyễn thu được nhiều thuế quan tân ở vùng Châu Đốc: năm 1837 là 10.387 quan; năm 1839: 18.484 quan; năm 1840: 16.120 quan... ở 4 cửa sông Đông Xuyên, Châu Giang, Tân Châu, An Lạc, nguồn thuế thủy lợi trong 18 năm, từ 1832-1848 và 2 năm 1812; 1830 thu được hơn 1.043.090 quan (Tân, 2009, tr.271).

Hai là, An Giang góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới phía Tây Nam của nhà Nguyễn

Ngay từ sớm vùng đất An Giang đã được các vua triều Nguyễn xem là vùng đất trọng yếu, quan trọng đối với chủ quyền của quốc gia, trong đó Châu Đốc - Hà Tiên được là khu vực phức tạp, luôn xuất hiện tình trạng bất ổn từ phía Xiêm và Chân Lạp.

Để bảo vệ vùng đất An Giang nói riêng hay Nam Bộ nói chung, việc xây dựng một vùng đất vững mạnh về kinh tế cũng như quốc phòng là một trong những mong muốn của triều Nguyễn đối với khu vực biên cương. Có thể nói, thương nghiệp đã giúp vùng đất này thu hút dân cư, đẩy mạnh quá trình khai hoang, lập làng và cải thiện đời sống kinh tế của dân cư; từ đó tạo nên vùng đất có sự phát triển về nội lực, hỗ trợ cho công tác quốc phòng.

Mặt khác, thương nghiệp An Giang đã đóng góp một phần vào ngân sách phục vụ cho việc xây dựng hệ thống phòng thủ biên giới như xây dựng đồn, bảo. Có thể thấy, các vua triều Nguyễn đã sử dụng ngân sách cho việc xây dựng hệ thống phòng thủ ở An Giang như bảo Châu Giang, Tân Châu và Chiến Sai (triều Gia Long); đồn Vĩnh Tế, đồn Vĩnh Nguyên và đồn Chu Phú (triều Minh Mạng),... Hay việc đào kênh Vĩnh Tế có nghĩa kinh tế và quốc phòng cũng tốn nhiều chi phí, theo *Đại Nam thực lục* ghi chép vào năm 1823, triều đình chi cho việc đào kênh hơn 515.200 quan và gạo hơn 99.400 phượng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007g, tr.280).

Có thể thấy, thương nghiệp tỉnh An Giang dưới trong giai đoạn 1802 - 1867, đã có vai trò quan trọng đối với vùng An Giang; đồng thời tạo nên một vùng đệm trong việc bảo vệ chủ quyền biên giới Tây Nam của vùng đất Nam Bộ.

3. KẾT LUẬN

Tỉnh An Giang nửa đầu thế kỷ XIX với một vùng đất rộng lớn, điều kiện tự nhiên thuận lợi, hàng hóa phong phú và nằm trong tuyến giao thương, cửa khẩu trong việc giao thương với Chân Lạp. Bên cạnh đó, An Giang còn là nơi quy tụ những nhiều cộng đồng tộc người tham gia vào quá trình buôn bán, đặc biệt là người Hoa. Có thể nói, thương nghiệp tỉnh An Giang nửa đầu thế kỷ XIX, đã có những điều kiện thúc đẩy quá trình buôn bán trong nội tỉnh, liên tỉnh và nước ngoài. Tuy nhiên, nền thương nghiệp An Giang chỉ phát

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG...

triển đến một hạn mức mà tư tưởng “trọng nông, ức thương” hay “đĩ nông vi bản” dưới chế độ phong kiến triều Nguyễn cho phép.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đầu, Đ.N. (1995). *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn An Giang*. Hồ Chí Minh: Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đức, T.H. (1999). *Gia Định Thành thông chí*. Hồ Chí Minh: Giáo dục.
- Kiến, P.V. (2007). *Diện mạo kinh tế An Giang trong các thế kỷ XVII - XIX*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lửa, H. (1987). *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. Hồ Chí Minh: Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lửa, H. (2000). *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*. Hồ Chí Minh: Khoa học Xã hội.
- Nam, S. (1988). *Lịch sử An Giang*, An Giang: Tổng hợp An Giang.
- Quốc sử Quán triều Nguyễn. (1998). *Quốc triều Chánh Biên toát yếu*. Huế: Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*. Huế: Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007a). *Đại Nam thực lục, tập 1*. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007b). *Đại Nam thực lục, tập 2*. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007c). *Đại Nam thực lục, tập 3*. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007d). *Đại Nam thực lục, tập 4*. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007e). *Đại Nam thực lục, tập 5*. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007f). *Đại Nam thực lục, tập 6*. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007g). *Đại Nam thực lục, tập 7*. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2010). *Minh Mệnh chính yếu*. Huế: Thuận hóa.
- Tân, C.T. (2009). *Lịch sử khai phá và bảo vệ chủ quyền vùng đất Châu Đốc thời Nguyễn*. Hà Nội: Quân đội nhân dân.
- Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang. (2013). *Địa chí tỉnh An Giang*. An Giang.

COMMERCIAL ACTIVITIES IN AN GIANG PROVINCE UNDER THE NGUYEN DYNASTY (1802 – 1867)

LE THANH TRUNG¹, DANG THI MINH PHUONG²

Graduate student of Faculty of History, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh City

²Faculty of Law and Political Sciences, Industrial University of Ho Chi Minh City

Corresponding author: dangthminhphuong@iuh.edu.vn

Abstract. The commercial activities of An Giang province from 1802 to 1867 developed based on important foundations in geography, economy, and politics. Strategically located within the Mekong River basin and bordering Cambodia, An Giang was endowed with a rich river network and abundant natural resources, especially fertile alluvial soil and diverse aquatic resources. Concurrently, the Nguyen dynasty's policies on reclamation and frontier development facilitated the formation and expansion of commercial activities. During this period, trade in An Giang focused on the exchange of rice, aquatic products, and forest products - the primary commodities of the region. Traditional markets and floating markets along the Hau River and Vinh Te Canal served as central trading hubs, catering not only to local demands but also connecting trade with Cambodia and other southern provinces. Notably, the involvement of Chinese merchants fostered the exchange of goods between An Giang and international markets. This article analyzes three main aspects: (1) the foundations of An Giang's commerce, including natural conditions and the border management policies of the dynasty; (2) the primary commercial activities, encompassing the exchange of rice, aquatic products, floating and traditional markets, and the role of Chinese merchants in linking domestic and international trade; (3) the role of commercial activities in promoting local economic development and contributing to the prosperity of southern Vietnam, thereby confirming An Giang's strategic position in the regional trade system.

Keywords. Trade, commercial activities, Nguyen Dynasty, An Giang.

Ngày nhận bài: 19/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 10/3/2025